TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2021
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh

2. Bà Trần Thị Hà

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T *tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 494/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 2 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐ-HPT ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, Bình Thuận

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, Bình Thuận

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 26/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyên xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T.

Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông Đ sống không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, ngoại tình, dẫn đến ly thân, không ai quan tâm đến đến ai và đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 12 năm 2019. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ, không đồng ý trở về đoàn tụ.

Về con chung: 01 đứa, Nguyễn Thúy Kiều M1, sinh ngày 31/7/2017. Nếu ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt nên không ghi được lời khai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Nguyễn Thúy Kiều M1, sinh ngày 31/7/2017 đến khi trưởng thành, bà M không không yêu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: không có

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Đ nhưng không thực hiện được tống đạt do ông Đ không có mặt thường xuyên vắng nhà. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông Đ đúng theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Đ được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông Đ không quan tâm gì đến đời sống kinh tế gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, hơn nữa còn có tính ghen tuông, bà đã cố gắng chịu đựng và khuyên ông Đ nhưng ông Đ không thay đổi. Đến tháng 12 năm 2019 bà và ông Đ chính thức chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Bà M xác nhận không còn tình cảm với ông Đ nữa, nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Xét thấy, bà M và ông Đ đã ly thân nhau một thời gian dài, từ khi ly thân nhau bà M và ông Đ không tự tìm phương án hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ đối với vợ con. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông Đ đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà M.

[3] Về con chung: Tại tòa bà Liễu yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà và ông Đ ly thân nhau thì bà M là người trực tiếp nuôi con chung, ông Đ bỏ mặc con không có trách nhiệm với con cái. Chứng tỏ, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ đối với con cái, tại tòa bà M cam đoan sẽ lo cho con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, đồng thời hiện con còn nhỏ nên giao cho mẹ nuôi là phù hợp hơn, vì vậy giao con chung cho bà M nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành;

[4] Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét;

[5] Về tài sản và nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, 218, 219; Điều 146 và Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

[3] Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Nguyễn Thúy Kiều M1, sinh ngày 31/7/2017 đến khi trưởng thành;

Bà M không được cản trở ông Đ trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị M phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Được trừ vào số tiền **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0009260 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà M đã nộp đủ án phí.

[5] Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị M là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/4/2021), đối với ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- UBND xã (thị trấn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Văn Lấy